

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 18-9-2024
V/v Tranh chấp “Thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Biên.
2. Ông Lê Văn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH sản xuất kinh doanh bao bì H; Địa chỉ: Lô 16-17 Cụm công nghiệp H, xã Đ, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị M - Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị H - Chức vụ: Giám đốc Marketing; Địa chỉ: Tiểu khu V, thị trấn H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (Theo Giấy uỷ quyền ngày 01/11/2020). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH B; Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Người đại diện theo pháp luật: Ông J - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH sản xuất kinh doanh bao bì H (viết tắt là Công ty H) do bà Lê Thị H là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 01/04/2020, Công ty H có ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH B (viết tắt là Công ty B) về việc mua bán túi nylon. Sau đó hai bên đã tiến hành thực hiện các đơn đặt hàng theo thỏa thuận như hợp đồng, Công ty H đã bàn giao đầy đủ

số lượng, chất lượng hàng hóa, chót công nợ phát sinh hàng tháng và xuất hóa đơn cho Công ty B kể từ đơn đặt tháng 04/2020. Đến hết tháng 05/2021 Công ty B dừng không đặt hàng nữa, tổng số công nợ còn lại phải thanh toán cho Công ty H tại thời điểm này là: 152.178.480đ.

Sau khi đã liên hệ rất nhiều lần qua điện thoại và không đạt được kết quả. Ngày 31/05/2021, Công ty H đã cử nhân viên đến Công ty B để làm việc nhưng lãnh đạo công ty không gặp, không cử người chuyên trách giải quyết và cũng không thực hiện xác nhận trên văn bản đối chiếu công nợ mà bên Công ty H chuyển sang.

Kể từ đơn hàng đầu tiên, căn cứ theo hợp đồng đã ký “sau 5-7 ngày Bên B phải thanh toán hết giá trị đơn hàng” và “thanh toán trong vòng 30 ngày” đối với các đơn hàng tiếp theo, nhưng trên thực tế bên phía Công ty B không thực hiện đúng cam kết, Công ty H cũng đã rất tạo điều kiện trong việc gia hạn thời gian trả nợ, cho phép trả trước từng phần, không tính lãi trên số dư nợ nhưng Công ty B vẫn khát nợ quá lâu mà không có 1 văn bản cụ thể nào về kế hoạch thanh toán cho Công ty H.

Việc Công ty B không trả nợ đã gây ra cho Công ty H rất nhiều khó khăn và thiệt hại. Do vậy, nay Công ty H yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết: Buộc Công ty B phải trả cho Công ty H số tiền hàng còn nợ là 152.178.480đ. Theo Hợp đồng nguyên tắc số 82/HĐKT/HV.BACVINA được ký kết ngày 01/4/2020 và Bản cam kết đề ngày 01/4/2020; Buộc Công ty TNHH B phải trả thêm khoản lãi phát sinh do quá hạn thanh toán, theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định, số tiền là 28.000.000đ; Chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, lệ phí và các chi phí liên quan theo quy định của Bộ luật tố tụng.

Ngày 25/7/2024, Công ty H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải trả khoản lãi phát sinh do quá hạn thanh toán, theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định cho Công ty H với số tiền là 28.000.000đ.

Tại bản tự khai đề ngày 12/7/2024, Công ty B do ông J là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 01/4/2020, Công ty B có ký hợp đồng trên với Công ty H. Đến tháng 5/2021, Công ty B dừng không đặt hàng nữa, tổng số tiền còn nợ Công ty H là 152.178.480đ.

Nay, Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả số tiền nợ gốc là 152.178.480đ và số tiền nợ lãi là 28.000.000đ, Công ty B xin miễn trả số tiền nợ lãi 28.000.000đ; đối với số tiền nợ gốc 152.178.480đ, Công ty B có phương án trả nợ như sau:

- Tháng 11/2024 trả 50.000.000đ.
- Tháng 12/2024 trả 50.000.000đ.
- Tháng 01/2025 trả 52.178.480đ.

Các khoản tiền trên được trả vào ngày 25 hàng tháng. Trường hợp Công ty B không thực hiện theo cam kết thì Công ty H có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án.

Tại phiên tòa, Công ty H giữ nguyên phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty B phải trả cho Công ty H số tiền hàng còn nợ là

152.178.480đ; và toàn bộ án phí, lệ phí, các chi phí liên quan theo quy định của pháp luật; rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải trả khoản lãi phát sinh do quá hạn thanh toán, theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định cho Công ty H với số tiền là 28.000.000đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 244; Điều 227; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 116, 166, 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26; Điều 6 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của của Công ty H, buộc Công ty B phải trả cho Công ty H số tiền hàng còn nợ tính đến hết tháng 5/2021 là 152.178.480đ.

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu trả số tiền nợ lãi 28.000.000 đồng của Công ty H đối với khoản nợ của Công ty B. Theo Hợp đồng nguyên tắc số 82/HĐKT/HV.BACVINA ngày 01/4/2020.

Về án phí: Đề nghị buộc Công ty B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; Trả lại cho Công ty H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2024 của Công ty H, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”. Tuy nhiên, tính từ ngày 31/5/2021 là thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H bị xâm phạm, đến ngày 01/3/2024 là ngày Công ty H trực tiếp nộp đơn khởi kiện đến Tòa án thì thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp thương mại đã không còn; Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật dân sự, Hội

đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền”. Các bên tự thoả thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Hà Trung là Tòa án giải quyết tranh chấp. Tòa án áp dụng khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Công ty B là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B phải trả cho Công ty H số tiền hàng còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc số 82/HĐKT/HV.BACVINA ngày 01/4/2020 được ký kết giữa các bên, tính đến hết tháng 5/2021 là 152.178.480đ. Bị đơn là Công ty B thừa nhận, xuất phát từ việc mua bán hàng hoá bằng hợp đồng trên, tính đến tháng 5/2021 Công ty B còn nợ Công ty H số tiền hàng là 152.178.480đ, đến nay chưa trả được. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật và là tình tiết không cần chứng minh nên chấp nhận sự thống nhất của các bên về khoản tiền nợ trên.

[2.2] Công ty B không thực hiện cam kết về nghĩa vụ trả nợ, gây khó khăn cho việc thu hồi nợ của Công ty H. Xét yêu cầu của Công ty H yêu cầu buộc Công ty B phải trả số tiền hàng còn nợ là 152.178.480đ. Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật dân sự thì Công ty B là bên có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của Công ty H là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty H buộc Công ty B phải trả số tiền nợ gốc là 152.178.480đ cho Công ty H.

[2.3] Ngày 25/7/2024 và tại phiên tòa, Công ty H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải trả khoản lãi phát sinh do quá hạn thanh toán, theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định cho Công ty H với số tiền là 28.000.000đ. Xét việc rút một phần yêu cầu của Công ty H là tự nguyện, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Công ty B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; Công ty H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 244; Điều 227; Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào: Các Điều 280, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26; Điều 6 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH B phải trả cho Công ty TNHH sản xuất kinh doanh bao bì H số tiền nợ gốc là 152.178.480đ (Một trăm năm hai triệu, một trăm bảy tám nghìn, bốn trăm tám mươi đồng).

2. Khi bản án có hiệu pháp luật, Công ty TNHH sản xuất kinh doanh bao bì H có yêu cầu thi hành án đối với số tiền Công ty TNHH B phải trả, nếu Công ty TNHH B không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì Công ty TNHH B phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu trả số tiền nợ lãi 28.000.000 đồng của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh bao bì H đối với khoản nợ của Công ty TNHH B. Theo Hợp đồng nguyên tắc số 82/HĐKT/HV.BACVINA ngày 01/4/2020.

4. Án phí:

- Công ty TNHH B phải chịu 7.608.924đ (Bảy triệu sáu trăm linh tám nghìn chín trăm hai tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH sản xuất kinh doanh bao bì H số tiền tạm ứng án phí 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số: 0006797 ngày 01/3/2024.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiên Thịnh